

**SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP**  
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**  
**DONG THAP PROVINCIAL CENTER FOR DISEASE CONTROL**

Địa chỉ: Số 394, Lê Đại Hành, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp  
 Điện thoại: 0277 3 854 864 Email: xnttytdpdt@yahoo.com.vn



Số: 1603/KN-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

MS: 0308.20/HĐ DWS

- Tên đơn vị gửi mẫu: Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp
- Tên cơ sở: Trạm cấp nước Tam Nông
- Đại diện cơ sở: Nguyễn Đức Toàn
- Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp
- Ngày nhận mẫu : 19/10/2020
- Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn tại trạm
- Tên mẫu: Nước mặt
- Thời gian thử nghiệm: 19/10/2020 đến ngày 26/10/2020
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Số lượng mẫu : 2,25 lít
- Mô tả tình trạng mẫu: Mẫu được chứa trong bình nhựa và chai vi sinh chuyên dụng

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

| STT | Chỉ tiêu         | Phương pháp                                    | Kết quả                     | Đơn vị              | Tiêu chuẩn |
|-----|------------------|------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------|------------|
| 1   | pH*              | TCVN 6492 : 2011                               | 6,81                        |                     | 6,5 – 8,5  |
| 2   | Độ màu*          | HD.PP.15-N/LH (TK SMEWW 2120 C- 2005)          | 2,66                        | CU                  | ≤ 15       |
| 3   | Độ đục           | Máy HANNA HI 98703                             | 0,32                        | NTU                 | ≤ 2        |
| 4   | Tổng rắn hòa tan | HD. PP. 19-N/LH (TK phụ lục A TCVN 6053:1995)  | 379                         | mg/L                | ≤ 1000     |
| 5   | Chất hữu cơ*     | HD.PP.09-N/LH (TK TCVN 6186 : 1996)            | 0,4                         | mgO <sub>2</sub> /L | ≤ 2        |
| 6   | Nitrite*         | SMEWW 4500 NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> B 2005 | Không phát hiện (LOD= 0,04) | mg/L                | ≤ 3        |
| 7   | Nitrate*         | HD.PP.10-N/LH (TK TCVN 6180:1996)              | 0,14                        | mg/L                | ≤ 50       |
| 8   | Sulfat           | HD.PP.08 -N/LH (TK EPA 375.4 1997)             | 26,9                        | mg/L                | ≤ 250      |
| 9   | Clo dư***        | Kit thử nhanh                                  | 0,39                        | mg/L                | 0,3 – 0,5  |
| 10  | Hàm lượng amoni* | HD. PP. 18- N/LH (TK US-EPA 1997- 350.2)       | 0,16                        | mg/L                | ≤ 3        |

|    |            |                    |                 |                 |   |
|----|------------|--------------------|-----------------|-----------------|---|
| 11 | Coliforms* | TCVN 6187-1 : 2019 | Không phát hiện | Vi khuẩn/100 mL | 0 |
| 12 | E. coli*   | TCVN 6187-1 : 2019 | Không phát hiện | Vi khuẩn/100 mL | 0 |

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo qui chuẩn QCVN 01:2009/BYT.

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu kiểm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý của Lãnh đạo Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Đồng Tháp.
- Quá thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc phân nân.
- LOD: Giới hạn phát hiện
- (\*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/ IEC 17025:2005
- (\*\*\*) Chỉ tiêu do người lấy mẫu thực hiện

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Thị Lệ Ngọc

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 11 năm 2020



Dương An Hân